

Số: 852 /KH-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH
Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2025

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ về việc ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, nâng bậc lương; nghỉ hưu, kéo dài thời gian công tác đối với viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3869/QĐ-BGDĐT ngày 05/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phân cấp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-ĐHSPTDTTHN, ngày 25/8/2025 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Căn cứ Nghị Quyết số 139/NQ-HĐT ngày 03/4/2024 của Hội đồng trường về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-HĐT ngày 31/7/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội; Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 26/9/2025 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 148/NQ-HĐT ngày 31 tháng 7 năm 2024 về Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 150/NQ-HĐT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng Trường ban hành quy chế về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động tại trường đại học Sư phạm TDTT Hà Nội;

Thực hiện Công văn số 7287/BGDĐTTCB ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên năm 2025.

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội xây dựng và ban hành Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức năm 2025.



[Handwritten signature]

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm kịp thời chế độ chính sách cho đội ngũ viên chức; bố trí viên chức đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đảm nhiệm vị trí việc làm (VTVL) và hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) phù hợp với cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của nhà trường.

- Lựa chọn được những viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của CDNN theo quy định, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Động viên, khuyến khích viên chức trong đơn vị học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức xét thăng hạng CDNN đối với viên chức phải đúng đối tượng; đúng tiêu chuẩn CDNN và phù hợp với VTVL, cơ cấu hạng CDNN của nhà trường;

- Kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức được tổ chức đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Viên chức tham dự kỳ xét thăng hạng CDNN phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn CDNN dự xét theo quy định và được đơn vị thuộc và trực thuộc nhà trường đề nghị cử dự xét thăng hạng.

II. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG CDNN

2. Chỉ tiêu xét thăng hạng

2.1. Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

(1) Đối với viên chức vị trí việc làm viên chức giảng dạy

- Từ CDNN giảng viên chính (hạng II) lên giảng viên cao cấp (hạng I): 08 chỉ tiêu.

- Từ CDNN giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II): 03 chỉ tiêu.

(2) Đối với viên chức vị trí việc làm viên chức hành chính

- Từ Kế toán viên (hạng III) lên kế toán viên chính (hạng II): 01 chỉ tiêu.

- Từ CDNN chuyên viên (hạng III) lên chuyên viên chính (hạng II): 04 chỉ tiêu.

2.2. Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

(1) Đối với viên chức vị trí việc làm viên chức giảng dạy

- Từ CDNN giảng viên chính (hạng II) lên giảng viên cao cấp (hạng I): 01 chỉ tiêu.

- Từ CDNN giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II): 22 chỉ tiêu.

(2) Đối với viên chức vị trí việc làm viên chức hành chính

- Từ CDNN chuyên viên (hạng III) lên chuyên viên chính (hạng II): 07 chỉ tiêu.

- Từ CDNN cán sự (hạng IV) lên chuyên viên (hạng III): 03 chỉ tiêu.

Tổng chỉ tiêu xét thăng hạng CDNN: Từ hạng II lên hạng I là 09 chỉ tiêu; từ hạng III lên hạng II là 37 chỉ tiêu; từ hạng IV lên hạng III là: 03 chỉ tiêu (Chỉ tiêu cụ

thể của viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từng đơn vị được phân bổ tại Phụ lục I kèm theo).

III. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT

1. Đối tượng dự

1. Viên chức đang giữ CDNN cán sự (mã số 01.004) đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.
2. Viên chức đang giữ CDNN chuyên viên (mã số 01.003) đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.
3. Viên chức đang giữ CDNN kế toán viên (mã số V.06.031) đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.
4. Viên chức đang giữ CDNN giảng viên (mã số V.07.01.03) đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.
5. Viên chức đang giữ CDNN giảng viên chính (mã số V.07.01.02) đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện

2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện chung

Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;
- b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.
- c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định 115/2020/NĐ-CP thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;
- d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 115/2020/NĐ-CP) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội

một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể

2.2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02

Viên chức giảng dạy được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có nhu cầu, có vị trí việc làm còn thiếu ứng với hạng CDNN viên chức xét thăng hạng và được đơn vị cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

b) Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03.

c) Đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT), cụ thể:

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

+ Có bằng thạc sỹ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy. Nếu bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục ở nước ngoài cấp thì phải được công nhận văn bằng theo quy định.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học.

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

+ Hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công đảm nhiệm; nắm bắt kịp thời yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;

+ Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

+ Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN;

+ Tác giả của ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

+ Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên chính (hạng II);

+ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 lên chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sỹ, đủ 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sỹ; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01

Viên chức giảng dạy được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng I), mã số V.07.01.01 khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có nhu cầu, có vị trí việc làm còn thiếu ứng với hạng CDNN viên chức xét thăng hạng và được đơn vị cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

b) Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng II), mã số V.07.01.02.

c) Đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01 quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

+ Có bằng tiến sỹ phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy. Nếu bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục ở nước ngoài cấp thì phải được công nhận văn bằng theo quy định.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học.

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Có kiến thức chuyên sâu về các môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức vững vàng của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

+ Năm vững thực tế và xu thế phát triển của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của chuyên ngành;

+ Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

+ Hướng dẫn ít nhất 02 (hai) học viên được cấp bằng thạc sỹ hoặc hướng dẫn chính hoặc phụ ít nhất 01 (một) nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sỹ;

Đối với giảng viên giảng dạy các ngành thuộc nhóm ngành khoa học sức khỏe, hướng dẫn 01 (một) học viên bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa hoặc bác sỹ nội trú được tính như hướng dẫn 01 (một) học viên được cấp bằng thạc sỹ.

Đối với giảng viên giảng dạy các ngành nghệ thuật có thể thay thế việc hướng dẫn chính hoặc phụ 01 (một) nghiên cứu sinh bằng 01 (một) công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng có uy tín trong và ngoài nước.

Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp 02 (hai) lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại điểm c khoản này;

+ Chủ trì biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN;

+ Tác giả của ít nhất 06 (sáu) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

+ Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên cao cấp (hạng I);

+ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 lên chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01 phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 (sáu) năm; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng II), mã số V.07.01.02 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2.3. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên viên (hạng III), mã số 01.003:

Viên chức hành chính được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên viên (hạng III), mã số 01.003 khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có nhu cầu, có vị trí việc làm còn thiếu ứng với hạng CDNN viên chức xét thăng hạng và được đơn vị cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

b) Đang giữ chức danh nghề nghiệp cán sự (hạng IV), mã số 01.004.

c) Đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp chuyên viên (hạng III), mã số 01.003 quy định tại Điều 7 Thông tư số 02/2021/TT-BNV và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương.

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác, các mục tiêu và đối tượng quản lý, hệ thống các nguyên tắc và cơ chế quản lý nghiệp vụ thuộc phạm vi công tác;

+ Có khả năng tham gia xây dựng và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương công tác; có khả năng tham gia nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

+ Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao tham mưu, đề xuất;

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

+ Có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

2.2.4. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính (hạng II), mã số 01.002:

Viên chức hành chính được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính (hạng II), mã số 01.002 khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có nhu cầu, có vị trí việc làm còn thiếu ứng với hạng CDNN viên chức xét thăng hạng và được đơn vị cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

b) Đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên viên (hạng III), mã số 01.003.

c) Đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính (hạng II), mã số 01.002 quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT và khoản 1 Điều 3 Thông tư số 05/2024/TT-BNV, cụ thể:

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

+ Có khả năng tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, dự án, chương trình hành động và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực công tác.

+ Nắm được tình hình và xu thế phát triển của ngành, lĩnh vực công tác trong nước và thế giới; có khả năng tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

+ Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu;

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

d) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các nhiệm vụ khoa học sau:

Tham gia xây dựng quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

Tham gia xây dựng đề án, văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

đ) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương có một trong các thành tích công tác sau:

Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên;

Có ít nhất 02 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

e) Có thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh chuyên viên thì thời gian giữ chức danh chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh chuyên viên không liên tục thì được cộng dồn);

2.2.5. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kế toán viên chính (hạng II), mã số V. 06.030:

Kế toán viên được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kế toán viên chính (hạng II), mã số V. 06.030 khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có nhu cầu, có vị trí việc làm còn thiếu ứng với hạng CDNN viên chức xét thăng hạng và được đơn vị cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

b) Đang giữ chức danh nghề nghiệp Kế toán viên (hạng III), mã số V. 06.031.

c) Đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp kế toán viên chính (hạng II), mã số V. 06.030 quy định tại Điều 6 Thông tư 66/2024/TT-BTC ngày 6/9/2024 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:
 - + Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;
 - + Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.
- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ
 - + Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nắm vững quản lý hành chính, cải cách hành chính và phương hướng chủ trương, chính sách của ngành, của đơn vị về lĩnh vực kế toán; công tác kế toán của đơn vị và các quy định của pháp luật về kế toán;
 - + Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan; có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;
 - + Tham gia xây dựng hoàn thiện thể chế; tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện trong lĩnh vực tài chính, kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;
 - + Nắm vững hệ thống kế toán ngành, lĩnh vực khác; quy trình tổ chức công tác kế toán; có khả năng quản lý và tổ chức điều hành tốt công tác kế toán ở đơn vị sự nghiệp công lập; nắm được những vấn đề cơ bản về khoa học quản lý, am hiểu thực tiễn sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, tình hình kinh tế - xã hội, hoạt động quản lý đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - + Tổ chức triển khai các quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị sự nghiệp công lập;
 - + Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

d) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản, nhiệm vụ khoa học từ cấp cơ sở trở lên, được cấp có thẩm quyền nghiệm thu ban hành, gồm: Văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học hoặc văn bản nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp kế toán viên chính;

đ) Đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó, phải có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng có trách nhiệm nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định, bao gồm:

1. Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (*Mẫu số 01*).
2. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức (*Mẫu số 02*).
3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định (*Mẫu số 03*).
4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.
 - a. Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành và phải nộp giấy công nhận này, có sao y công chứng/chứng thực.
 - b. Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên đại học được cấp sau ngày 30/6/2022 hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên các hạng được cấp trước ngày 30/6/2022 (giảng viên/giảng viên chính/giảng viên cao cấp).
5. Bản kê khai các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học, biên soạn sách phục vụ đào tạo, hướng dẫn học viên cao học được cấp bằng thạc sĩ, nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ (*theo mẫu số 04*):
 - Viên chức lập bản kê khai theo thứ tự đề tài, bài báo, giáo trình, sách, hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh và theo thứ tự thời gian (mỗi công trình phải ghi rõ tên, năm xuất bản, tác giả, nhà xuất bản, mã số,); cá nhân ký tên vào bản kê khai và có chữ ký xác nhận của Trưởng đơn vị.
 - Các minh chứng kèm theo bản kê khai:
 - + Đối với đề tài nghiên cứu khoa học: Bản sao quyết định hoặc hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
 - + Đối với bài báo khoa học đã công bố: Bản sao chụp các trang bìa tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN, mục lục có tên bài báo, tên tác giả và trang đầu bài báo, đối với bài báo xuất bản online thì nộp trang đầu bài báo.
 - + Đối với giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, chương sách: Bản sao các văn bản và hồ sơ minh chứng là chủ biên hoặc đồng chủ biên, hoặc tham gia biên soạn sách có mã số chuẩn quốc tế ISBN, các trang bìa và trang phụ bìa, mục lục có tên chương sách.
 - + Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách, giáo trình phục vụ đào tạo có xác nhận của Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế.
 - + Đối với hướng dẫn học viên cao học được cấp bằng thạc sĩ, nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ: Bản sao các quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh; bản sao bằng thạc sĩ, tiến sĩ hoặc quyết định công nhận tốt nghiệp của người được giao hướng dẫn.

* Lưu ý: Các bản sao văn bản, chứng chỉ, quyết định, hợp đồng phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định.

Viên chức phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp.

Bộ hồ sơ được đóng thành một tập, bìa hồ sơ (theo mẫu số 05) ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, đơn vị công tác, hạng CDNN hiện giữ và hạng CDNN đăng ký dự xét thăng hạng, có mục lục ghi các thành phần hồ sơ và được sắp xếp theo thứ tự tại mục này.

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC

1. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định của pháp luật và quy định của nhà trường.
2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ

1. Thời gian nhận hồ sơ

Viên chức nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng CDNN từ ngày 17/11/2025 đến ngày 28/11/2025.

2. Địa điểm nhận hồ sơ

Viên chức nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng CDNN tại Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội; đồng thời gửi bản mềm (file word) Bản kê khai đến địa chỉ email: lequynhhoatdt@gmail.com.

VII. LỆ PHÍ XÉT THĂNG HẠNG CDNN

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức, cụ thể:

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I: 1.400.000 đồng/người
- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III: 700.000 đồng/người

VIII. TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG CDNN

1. Phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng CDNN và báo cáo Hiệu trưởng: Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 02/12/2025).

2. Tổ chức kiểm tra hồ sơ, lập danh sách có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng; báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt danh sách viên chức đủ điều kiện dự xét thăng hạng: Từ ngày 03/12/2025 đến ngày 05/12/2025).

3. Hiệu trưởng thành lập Hội đồng xét thăng hạng CDNN: Từ ngày 06/12/2025 đến ngày 08/12/2025.

4. Hội đồng xét thăng hạng CDNN thành lập Ban thẩm định hồ sơ và Tổ thư ký giúp việc (nếu cần thiết): Từ ngày 09/12/2025 đến ngày 10/12/2025.

5. Tổ chức thẩm định hồ sơ theo Quy chế xét thăng hạng CDNN và xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN (từ ngày 11/12/2025 đến ngày 16/12/2025):

5.1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, được Hiệu trưởng quyết định công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN.

5.2. Trường hợp đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng CDNN nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- b) Viên chức là nữ;
- c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- e) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

6. Phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

b) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng CDNN thông báo kết quả xét và danh sách viên chức trúng tuyển bằng văn bản đến đơn vị; đồng thời công khai trên trang tin điện tử của Trường ĐHTC.

7. Ban hành quyết định bổ nhiệm CDNN và xếp lương mới đối với viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN, Hiệu trưởng ban hành quyết định bổ nhiệm CDNN và xếp lương mới đối với viên chức trúng tuyển.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

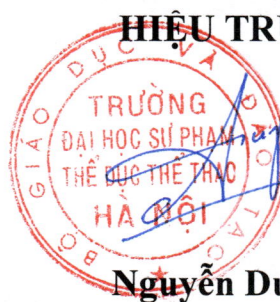
Trường các đơn vị có trách nhiệm triển khai đến viên chức trong đơn vị để thực hiện Kế hoạch.

Các đơn vị trong Trường căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội phân công để thực hiện tốt công việc liên quan đến kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức năm 2025./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐT (để b/c);
- Các đơn vị (để th/hiện);
- Website trường;
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Quyết

PHỤ LỤC 1
CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ
LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-ĐHSPTDTTHN ngày tháng năm 2025)

TT	Đơn vị	Chức danh xét thăng hạng	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Khoa Điện kinh - Thể dục	Giảng viên cao cấp	01	
		Giảng viên chính	02	
2	Khoa Cầu lông - Bóng bàn - Quần vợt	Giảng viên chính	02	
3	Khoa Y học Thể dục Thể thao	Giảng viên chính	04	
4	Khoa Lý luận chuyên ngành và Nghiệp vụ sư phạm	Giảng viên chính	03	
5	Khoa Lý luận chính trị	Giảng viên chính	01	
6	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUPES	Giảng viên chính	01	
7	Khoa Bóng chuyền - Bóng đá - Bóng rổ	Giảng viên chính	02	
8	Khoa Huấn luyện Thể thao	Giảng viên chính	04	
9	Khoa Võ - Bơi - Cờ	Giảng viên chính	03	
10	Phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính	02	
		Chuyên viên	01	
11	Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế	Chuyên viên chính	01	
		Chuyên viên	01	
12	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên chính	01	
13	Phòng Quản trị - Thiết bị	Chuyên viên chính	01	
14	Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh	Chuyên viên chính	02	
		Chuyên viên	01	

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Kế hoạch số..../KH-ĐHSPTDTTHN ngàytháng.....năm 2025)

1. Mẫu số 01. Đơn đăng ký xét thăng hạng CDNN
2. Mẫu số 02. Sơ yếu lý lịch viên chức
3. Mẫu số 03. Bản nhận xét viên chức
4. Mẫu số 04. Bản kê khai công trình khoa học
5. Mẫu số 05. Bìa hồ sơ dự xét thăng hạng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Từ (hạng) lên (hạng ...)

Kính gửi:

Đồng kính gửi:.....

Tên tôi là (chữ in hoa): Nam (nữ):

Ngày tháng năm sinh:

Nơi ở hiện nay:

Đơn vị công tác (khoa, trường):

Chức vụ:

Trình độ chuyên môn cao nhất:

Ngày tháng năm được tuyển dụng vào biên chế:

Chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay: mã số:

Thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp:

Hệ số lương hiện hưởng: ngày tháng năm xếp: / /

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ (hạng) lên (hạng) tại Kế hoạch số ngàythángnăm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội và các văn bản hiện hành khác, tôi tự đánh giá bản thân có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn để tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ (hạng) lên (hạng).

Tôi làm đơn này kính đề nghị xem xét cho tôi được tham dự kỳ thi thăng hạng từ (hạng) lên (hạng).

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Tài liệu gửi kèm theo đơn này gồm có:

1.
2.
3.
4.
5.
6.

Hà Nội, ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

Cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức:

Số hiệu:

Mã số định danh:

Ảnh màu
(4 x 6 cm)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa): Giới tính:

2) Các tên gọi khác:

3) Sinh ngày: tháng năm

4) Nơi sinh:

5) Quê quán (xã, phường): (huyện, quận): (tỉnh, TP):

6) Dân tộc:

7) Tôn giáo:

8) Số CCCD: Ngày cấp: .../.../..... SĐT liên hệ:

9) Số BHXH: Số thẻ BHYT:

10) Nơi ở hiện nay:

11) Thành phần gia đình xuất thân:

12) Nghề nghiệp trước khi được tuyển dụng:

13) Ngày được tuyển dụng lần đầu: .../.../..... Cơ quan, tổ chức, đơn vị tuyển dụng:

14) Ngày vào cơ quan hiện đang công tác:

15) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: .../.../..... Ngày chính thức: .../.../.....

16) Ngày tham gia tổ chức chính trị-xã hội đầu tiên (ngày vào Đoàn TNCSHCM, Công đoàn, Hội):

17) Ngày nhập ngũ: .../.../..... Ngày xuất ngũ: .../.../..... Quân hàm cao nhất:

18) Đối tượng chính sách:

19) Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):

20) Trình độ chuyên môn cao nhất:

21) Học hàm:

22) Danh hiệu nhà nước phong tặng:

23) Chức vụ hiện tại:

Ngày bổ nhiệm/ngày phê chuẩn: .../.../... Ngày bổ nhiệm lại/phê chuẩn nhiệm kỳ tiếp theo: .../.../...

- 24) Được quy hoạch chức danh:
- 25) Chức vụ kiêm nhiệm:
- 26) Chức vụ Đảng hiện tại:
- 27) Chức vụ Đảng kiêm nhiệm:
- 28) Công việc chính được giao:
- 29) Sở trường công tác: Công việc làm lâu nhất
- 30) Tiền lương
- 30.1) Ngạch/chức danh nghề nghiệp: Mã số:
 Ngày bổ nhiệm ngạch/chức danh nghề nghiệp: .../.../.....
 Bậc lương: Hệ số: Ngày hưởng:
 .../.../.....
 Phần trăm hưởng:....%; Phụ cấp thâm niên vượt khung:....%; Ngày hưởng PCTNVK: .../.../...
 30.2) Phụ cấp chức vụ: Phụ cấp kiêm nhiệm Phụ cấp khác
- 30.3) Vị trí việc làm: Mã số:

 Bậc lương Lương theo mức tiền:vnd. Ngày hưởng: .../.../.....
 Phần trăm hưởng:....%; Phụ cấp thâm niên vượt khung:..%; Ngày hưởng PCTNVK: .../.../...
 31) Tình trạng sức khỏe:
 Chiều cao: cm, Cân nặng: kg, Nhóm máu:

32) QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

32.1- Chuyên môn (từ trung cấp trở lên cả trong nước và nước ngoài)

Tháng/năm		Tên cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Văn bằng, trình độ
Từ	Đến				

32.2- Lý luận chính trị

Tháng/năm		Tên cơ sở đào tạo	Hình thức đào tạo	Văn bằng được cấp
Từ	Đến			

32.3- Bồi dưỡng quản lý nhà nước/ chức danh nghề nghiệp/ nghiệp vụ chuyên ngành

Tháng/năm		Tên cơ sở đào tạo	Chứng chỉ được cấp
Từ	Đến		

32.4- Bồi dưỡng kiến thức an ninh, quốc phòng

Tháng/năm		Tên cơ sở đào tạo	Chứng chỉ được cấp
Từ	Đến		

32.5- Tin học

Tháng/năm		Tên cơ sở đào tạo	Chứng chỉ được cấp
Từ	Đến		

32.6- Ngoại ngữ/ tiếng dân tộc

Tháng/năm		Tên cơ sở đào tạo	Tên ngoại ngữ/ tiếng dân tộc	Chứng chỉ được cấp	Điểm số
Từ	Đến				

33) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Tháng/ năm		Đơn vị công tác (<i>đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội</i>)	Chức danh/ chức vụ
Từ	Đến		

34) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

34.1- Khai rõ: bị bắt, bị tù (*từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu?*), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì?:

34.2- Bản thân có làm việc cho chế độ cũ

Tháng/năm		Chức danh, chức vụ, đơn vị, địa điểm đã làm việc
Từ	Đến	

34.3- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội ... ở nước ngoài

Tháng/năm		Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở, công việc đã làm
Từ	Đến	

35) KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

35.1- Thành tích thi đua, khen thưởng

Năm	Xếp loại chuyên môn	Xếp loại thi đua	Hình thức khen thưởng

35.2- Kỷ luật Đảng/hành chính

Tháng/năm		Hình thức	Hành vi vi phạm chính	Cơ quan quyết định
Từ	Đến			

36) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

36.1- Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ

			chức chính trị - xã hội (trong, ngoài nước); làm việc cho chế độ cũ, tiền án, tiền sự (nếu có)

36.2- Cha, Mẹ, anh chị em ruột (bên vợ hoặc chồng)

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội (trong, ngoài nước); làm việc cho chế độ cũ, tiền án, tiền sự (nếu có)

37) HOÀN CẢNH KINH TẾ GIA ĐÌNH

37.1- Quá trình lương của bản thân

Tháng/năm		Mã số	Bậc lương	Hệ số lương	Tiền lương theo vị trí việc làm
Từ	Đến				

37.2- Các loại phụ cấp khác

Tháng/năm		Loại phụ cấp	Phần trăm hưởng	Hệ số	Hình thức hưởng	Giá trị (đồng)
Từ	Đến					

37.3- Nguồn thu nhập chính của gia đình hàng năm

- Tiền lương:

- Các nguồn khác:

- Nhà ở:

+ Được cấp, được thuê (loại nhà):, tổng diện tích sử dụng:m².

Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

+ Nhà tự mua, tự xây (loại nhà):, tổng diện tích sử dụng:m².

Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Đất ở:

+ Đất được cấp: m².

Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

+ Đất tự mua: m².

Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Đất sản xuất kinh doanh:

.....

.....

38) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

.....

.....

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là
đúng sự thật

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm 20....

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý cán
bộ, công chức, viên chức**

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT VIÊN CHỨC

Họ và tên viên chức:

Đơn vị công tác:

1 - Phẩm chất đạo đức:

.....

2 - Trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn:

.....

3 - Tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động:

.....

4 - Quan hệ với đồng nghiệp:

.....

5- Đánh giá xếp loại chất lượng năm gần nhất

.....

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu nhiệm vụ ở chức danh nghề nghiệp
, chúng tôi nhất trí cử Ông (Bà) tham dự kỳ xét thăng
 hạng từ lên năm 2025.

....., ngày tháng năm

Trưởng đơn vị

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Mẫu số 04
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI CÔNG TRÌNH

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Ngày tháng năm sinh: _____ Nơi sinh: _____
 Nơi ở hiện nay: _____
 Số điện thoại liên hệ: _____ Email: _____
 Đơn vị công tác: _____ Đơn vị sinh hoạt chuyên môn (nếu có): _____
 Chức vụ: _____
 Chức danh nghề nghiệp: _____
 Trình độ chuyên môn cao nhất: _____
 Chức danh đăng ký xét thăng hạng: _____

II. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU, HƯỚNG DẪN

1. Đề tài nghiên cứu khoa học:

STT	Tên đề tài	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (cơ sở, Bộ, ngành)	Kết quả nghiệm thu, ngày tháng, năm nghiệm thu	Trách nhiệm tham gia đề tài
1					
2					

2. Sách và giáo trình đã xuất bản

STT	Tên sách/ Giáo trình	Năm xuất bản	Nhà xuất bản, ISBN	Tác giả	Đồng tác giả
1					
2					

3. Bài báo khoa học đã công bố:

STT	Tên tác giả	Năm xuất bản	Tên bài báo (link truy cập nếu có)	Tên tạp chí, số tạp chí
1				
2				
3				
4				

4. Hướng dẫn học viên cao học được cấp bằng thạc sĩ

STT	Học tên học viên	Ngành học	Thời gian hướng dẫn từ....đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày tháng năm được cấp bằng
1					

2					
3					
4					

5. Hướng dẫn Nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ

STT	Họ tên NCS	Ngành học	Trách nhiệm HD		Thời gian HD từ...đến....	Cơ sở đào tạo	Ngày tháng năm được cấp bằng
			Chính	Phụ			
1							
2							

6. Quy chế, quy định, đề án đã ban hành

STT	Tên quy chế, quy định, đề án	Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Ghi chú
1			
2			
3			
4			

Tôi xin cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin kê khai trên.

Trưởng đơn vị xác nhận

Người lập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

HỒ SƠ
**ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG
NĂM 2025**

Họ và tên:

Ngày sinh:...../...../.....

Đơn vị công tác:

HỒ SƠ GỒM CÓ:

1. Đơn đăng ký xét thăng hạng
2. Sơ yếu lý lịch
3. Bản nhận xét đánh giá viên chức
4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ
5. Bản kê công trình khoa học